TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2023/QĐST-DS	*T D, ngày 04 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (Sacombank)

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Ng Đ Th D – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ph V Đ – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Nghệ An – Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: Số 27, đường Q Tr, phường Q Tr, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ph V Đ: Anh Ng Kh H – Chức vụ: chuyên viên quản lý tín dụng, phòng kiểm soát rủi ro, Sacombank chi nhánh Nghệ An.

Địa chỉ: số 27 đường Q Tr, phường Q Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Q Th Ch, sinh năm 1984

Trú tại: Khối H T, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Q Th Ch chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A (Sacombank) tính đến ngày 26/4/2023 là 52.348.361đ (*Năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi mốt đồng*), trong đó nợ gốc là 44.998.197đ (*Bốn mươi bốn triệu chín trăm chín mươi tám nghìn một trăm chín mươi bảy đồng*), nợ lãi là 7.350.164đ (*Bảy triệu ba trăm năm mươi*

nghìn một trăm sáu mươi tư đồng) theo Hợp đồng tín dụng LD1909900199 ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Giấy nhận nợ LD1909900199 ngày 16 tháng 4 năm 2019.

Kể từ ngày tiếp theo ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 26/4/2023), chị Q Th Ch còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất số tiền chưa thanh toán cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng LD1909900199 ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Giấy nhận nợ LD1909900199 ngày 16 tháng 4 năm 2019 cho Ngân hàng TMCP A (Sacombank).

2.2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016, đại diện theo ủy quyền anh Ng Kh H và chị Q Th Ch thỏa thuận chị Q Th Ch tự nguyện chịu 1.308.709đ (*Một triệu ba trăm linh tám nghìn bảy trăm linh chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A (Sacombank) số tiền tạm ứng án phí 1.277.000đ (*Một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010801 ngày 18/4/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. T D;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- CCTHADS H.T D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Ái

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).